TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2-VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2026/HNGĐ -ST
Ngày: 24-02-2026
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thuý An**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Trần Văn Thơi**.

2/ Ông **Trần Văn Bé Hai**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Hoàng Thắng** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long.

Ngày 24 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 360/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2025 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Ngọc D**, sinh năm 1976. (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp M, xã C, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Chị **Phan Thị Diễm P**, sinh năm 1980. (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp M, xã C, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 13/11/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phan Thị Diễm P thành hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chánh An, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long (Nay là xã Cái Nhum, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 18/10/2014. Thời gian chung sống lúc đầu có hạnh phúc, đến cuối năm 2022 phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm, sống không hợp nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh và chị Diễm đã quyết định sống ly thân từ năm 2022 đến nay không hàn gắn lại được, vợ chồng không quan tâm

chăm sóc nhau. Nay anh xác định vợ chồng không thể hàn gắn lại được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Phan Thị Diễm P.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc D1, sinh ngày 26/6/2001 hiện đã trưởng thành, không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của anh Nguyễn Ngọc D yêu cầu Tòa án nhân khu vực 2 – Vĩnh Long giải quyết ly hôn với chị Phan Thị Diễm P cư trú ấp M, xã C, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ tranh chấp là "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long.

[1.2] Nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc D có đơn xin vắng mặt ngày 25/01/2026, bị đơn chị Phan Thị Diễm P được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ hai không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Anh Nguyễn Ngọc D và chị Phan Thị Diễm P thành hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Chánh An, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long (Nay là xã Cái Nhum, tỉnh Vĩnh Long) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 55 vào ngày 18/10/2014 nên xem quan hệ hôn nhân giữa anh D và chị P là hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống vợ chồng giữa anh D và chị P thời gian đầu sống hạnh phúc, đến cuối năm 2022 phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau và vợ chồng ly thân từ năm 2022 đến nay không hàn gắn được. Sau khi Tòa án thụ lý đã ra giấy triệu tập hợp lệ để Toà án hoà giải giúp đỡ đoàn tụ nhưng chị P vắng mặt lần thứ nhất không lý do. Anh D có đơn yêu cầu không tiến hành hoà giải do vợ chồng sống không hạnh phúc, đã ly thân từ năm 2022 đến nay không hàn gắn lại được. Như vậy cho thấy tình cảm giữa anh D và chị P không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn của anh D là có cơ sở phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc D1, sinh ngày 26/6/2001 hiện đã trưởng thành, không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng, anh Nguyễn Ngọc D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Ngọc D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Ngọc D phải nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc D. Xử cho anh D ly hôn với chị Phan Thị Diễm P.

2. Về con chung: Con chung tên Nguyễn Ngọc D1, sinh ngày 26/6/2001 hiện đã trưởng thành, không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng. Anh Nguyễn Ngọc D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Ngọc D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Ngọc D phải nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí ly hôn. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* anh D đã nộp theo biên lai thu số 0010878 ngày 01 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Anh D đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 2 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 2 – Vĩnh Long;
- UBND xã Cái Nhum, tỉnh Vĩnh Long)
(Giấy chứng nhận kết hôn số 55 ngày 18/10/2014);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thuý An